TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 24 - 3 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

2. Bà Thái Tín Hiền.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H , sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp Ph , xã V , huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Quách Thảo Ng , sinh năm 1997 (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2024) (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn:*

- Ông Giang Văn S, sinh năm 1961 (vắng mặt).

- Bà Ngô Thị Nh , sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Đ , xã V1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2024 của nguyên đơn, Bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt của người đại diện do nguyên đơn ủy quyền chị Quách Thảo Ng trình bày:

Từ ngày 03/7/2014 đến ngày 11/9/2023, hộ Kinh doanh T 3 do ông Trần Văn H làm chủ với ông Giang Văn S và bà Ngô Thị Nh có giao kết Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản. Hai bên có làm Hợp đồng mua bán bằng văn bản và mua bán thông qua Sổ giao nhận hàng hóa, theo thỏa thuận, ông H cung cấp thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản đúng theo yêu cầu của ông S – bà Nh , đến cuối vụ thì số tiền hai bên thực hiện mua bán là 75.508.000đ (bảy mươi lăm triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

Theo thỏa thuận, đến cuối vụ thu hoạch, vợ chồng ông S – bà Nh phải thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm, ông S – bà Nh chỉ thanh toán được 1.360.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) và trừ chiết khấu cho vợ chồng ông S – bà Nh số tiền là 460.000đ (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), còn nợ lại 73.688.000đ (bảy mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng). Mặc dù, ông H đã nhiều lần yêu cầu thanh toán toàn bộ số nợ nhưng vợ chồng ông S – bà Nh không thanh toán.

Đến ngày 23/3/2025, bà Nh có gửi trả cho ông H được 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), số tiền nợ còn lại là 73.188.000đ (bảy mươi ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Nay, ông Trần Văn H là chủ Hộ kinh doanh T 3 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Giang Văn S và bà Ngô Thị Nh thanh toán cho ông H số nợ là 73.188.000đ (bảy mươi ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Bị đơn bà Ngô Thị Nh trình bày: Bà Nh thừa nhận vợ chồng bà có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản đúng như nguyên đơn trình bày. Do nuôi tôm thua lỗ nên không có khả năng thanh toán hết cho ông H . Hiện nay, vợ chồng bà còn nợ ông H số tiền là 73.188.000đ (bảy mươi ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng) đúng như nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, xin ông H gia hạn cho vợ chồng bà trả dần cho đến khi hết nợ.

Đối với bị đơn ông Giang Văn S: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu

khởi kiện của ông Trần Văn H nhưng ông Giang Văn S không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự, ông Giang Văn S cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 14/3/2025, ông Giang Văn S vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hợp đồng mua bán tài sản được giao kết giữa Hộ Kinh doanh T 3 và bị đơn là thực tế và sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Giang Văn S đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, người đại diện theo ủy của nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo ủy của nguyên đơn và bị đơn Giang Văn S.

[2] Về nội dung giải quyết:

Hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn Ngô Thị Nh trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn Ngô Thị Nh thừa nhận vợ chồng bà Nh – ông S còn nợ của Hộ kinh doanh T 3 do ông H làm chủ số tiền là 73.188.000đ (bảy mươi ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng) nhưng không có khả năng thanh toán. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với việc mua bán tài sản và các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 73.188.000đ (bảy mươi ba

triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng) là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin giải quyết vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, ông S – bà Nh còn phải liên đới trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, ông S - bà Nh phải liên đới chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Tuy nhiên, do ông S – bà Nh là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí; nên không phải nộp án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn H đối với bị đơn ông Giang Văn S và bà Ngô Thị Nh , về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc ông Giang Văn S và bà Ngô Thị Nh có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Văn Hảo số tiền nợ là 73.188.000đ (bảy mươi ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng ông Giang Văn S và bà Ngô Thị Nh còn phải liên đới trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Giang Văn S và bà Ngô Thị Nh phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.659.400đ (ba triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm đồng). Tuy nhiên, do ông Giang Văn S và bà Ngô Thị Nh là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

- Ông Trần Văn H không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.842.000đ (một triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0006364 ngày 24/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án; Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hiếu